

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk “Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc”;

Xét Công văn số 01/2025/CV đề ngày 03/01/2025; Công văn số 06/2025/CV đề ngày 12/02/2025 và Công văn số 07/2025/CV đề ngày 24/02/2025 của Công ty TNHH Bình Hòa giải trình về việc hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (công suất 100.000 m³ nguyên khai/năm)”, kèm hồ sơ bổ sung ngày 25/02/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại Tờ trình số 95 /TTr-STNMT ngày 28 /02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bình Hòa, địa chỉ tại thôn 7, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (công suất 100.000 m³ nguyên khai/năm)” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: “Khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (công suất 100.000 m³ nguyên khai/năm)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên số 6000473624 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/4/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/4/2013.

1.4. Mã số thuế: 6000473624.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 60.000 m² (theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh). Trong đó: Diện tích khu vực khai thác là 47.000 m²; khu vực chế biến 7.000 m²; khu vực các công trình phụ trợ (Gồm: Văn phòng, nhà ở tạm của công nhân, khu vệ sinh, bể nước, nhà xưởng, kho vật tư, kho chứa chất thải nguy hại) 250 m²; bãi chứa đá thành phẩm 5.600 m²; các công trình khác (Gồm: Trạm biến áp 500 KVA, hệ thống trạm cân và camera giám sát, hệ thống điện) 150 m².

- Quy mô (Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 của UBND tỉnh “Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh” và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh “Về việc bổ sung Điều 1 Giấy phép khai thác khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 03/7/2015 của UBND tỉnh; phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đất làm vật liệu san lấp (khoáng sản đi kèm) tại mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk):

+ Diện tích khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường là 60.000 m² được giới hạn bởi các điểm góp M2, Q1, Q2, Q3, Q4, Q5, M3 có tọa độ xác định theo tờ bản đồ khu vực khai thác khoáng sản. Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính số 6063/TL-VPĐKQSDĐ ngày 30/12/2014 do Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất huyện Krông Pắc lập.

+ Mức sâu khai thác: 20 m.

+ Trữ lượng khoáng sản đá: Trữ lượng địa chất là 773.016 m³; trữ lượng khai thác là 695.714 m³.

+ Trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp được phép đưa vào thiết kế khai thác là 26.400 m³ đất nguyên khối; trữ lượng khoáng sản đất làm vật liệu san lấp được phép khai thác là 31.944 m³ đất nguyên khai.

- Công suất khai thác đá: 100.000 m³ đá nguyên khai/năm.

- Tóm tắt quy trình sản xuất: Bóc tầng đất phủ bằng máy đào → Bóc tầng đá phong hoá bằng máy khoan, nổ mìn → Khoan nổ mìn bằng máy khoan BMK-5 → Nổ mìn bằng phương pháp nổ vi sai phi điện → Xúc đá nguyên liệu bằng máy xúc → Vận tải bằng ô tô từ khu vực khai thác lên khu chế biến → Nghiền, sàng đá → Sản phẩm các loại.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bình Hòa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bình Hòa có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 1035/STNMT-BVMT ngày 27/4/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND huyện Krông Pắc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND huyện Krông Pắc;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- TTCN và Cổng TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty TNHH Bình Hòa (Đ/c: Thôn 7, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06B)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (Gồm có: Nước thải từ nhà vệ sinh đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn; nước thải từ các bồn rửa, lau sàn sau song chắn rác).

- Nguồn số 02: Nước tháo khô mỏ từ hố lắng phía Đông Nam của mỏ.

- Nguồn số 03: Nước tháo khô mỏ từ hố lắng phía Tây Nam của mỏ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận: Có 02 dòng nước thải sau 02 hố lắng được bơm cưỡng bức về 02 hồ thu sau đó xả thải ra nguồn tiếp nhận.

- Dòng nước thải số 02 (Tương ứng với nguồn nước thải số 02): Nước tháo khô mỏ sau hố lắng phía Đông Nam của mỏ.

- Dòng nước thải số 03 (Tương ứng với nguồn nước thải số 03): Nước tháo khô mỏ sau hố lắng phía Tây Nam của mỏ.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối cạn gần cơ sở, thuộc xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Xã Krông Búk, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Tọa độ xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

+ Dòng nước thải số 02: $X = 484246$; $Y = 1418234$.

+ Dòng nước thải số 03: $X = 484401$; $Y = 1418156$.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng nước thải 02 (Tương ứng với nguồn nước thải số 02): Lưu lượng tối đa $702,435 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

- Dòng nước thải 03 (Tương ứng với nguồn nước thải số 03): Lưu lượng tối đa $702,435 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

Nước tháo khô mỏ được thu gom về hố lắng trong moong khai thác (Gồm có 02 hố lắng đặt ở phía Đông Nam và Tây Nam của mỏ), sau đó được bơm cưỡng

bức về hồ thu (Gồm có 02 hồ thu đặt ở phía Đông Nam và Tây Nam của mỏ) và thoát ra suối cận gần mỏ theo phương thức tự chảy, xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn (khi có phát sinh nước tháo khô mỏ)

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1$) (Theo đề nghị và cam kết của Công ty), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³		Không thuộc đối tượng quy định	Không thuộc đối tượng quy định
2	pH	-	5,5 - 9		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	90		
4	COD	mg/l	135		
5	BOD ₅	mg/l	45		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	9		
7	Tổng Nitơ	mg/l	36		
8	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,4		
9	Fe		4,5		
10	Pb	mg/l	0,45		
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	9		
12	Coliform	MPN/100ml	5.000		

Ghi chú: Khuyến khích Chủ cơ sở thực hiện quan trắc định kỳ nước thải nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát công trình xử lý nước thải tại Cơ sở.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh (được thu gom theo đường ống PVC dẫn về bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ) và nước thải sinh hoạt khác (Nước thải từ bồn rửa, vệ sinh sàn ... được thu gom, qua song chắn rác) được dẫn về bể chứa có dung tích 22 m³; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; không xả nước thải ra môi trường.

- Nguồn số 02: Nước tháo khô mỏ được thu gom về hố lắng trong moong khai thác đặt ở phía Đông Nam của mỏ, sau đó được bơm cưỡng bức về hố thu ở phía Đông Nam của mỏ và thoát ra suối cạn gần mỏ.

- Nguồn số 03: Nước tháo khô mỏ được thu gom về hố lắng trong moong khai thác đặt ở phía Tây Nam của mỏ, sau đó được bơm cưỡng bức về hố thu đặt ở phía Tây Nam của mỏ và thoát ra suối cạn gần mỏ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → bể chứa → Hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Bể tự hoại 3 ngăn: 01 bể (Đặt tại nhà vệ sinh của mỏ); dung tích thiết kế $5,04 \text{ m}^3$ (Kích thước: $2,4 \text{ m} \times 1,4 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$).

- Bể chứa: Dung tích thiết kế 22 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất (Nước tháo khô mỏ):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước tháo khô mỏ (nguồn số 02, 03) → Hố lắng ở đáy moong khai thác → Hố thu (để tiếp tục lắng nước thải) → xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thông số kỹ thuật của công trình xử lý nước thải:

+ Hố lắng: Gồm có 02 hố lắng bố trí trong đáy moong khai thác (Kích thước hố lắng: $12 \text{ m} \times 18 \text{ m} \times 5 \text{ m}$).

+ Hố thu: Gồm có 02 hố thu (Đặt ngoài diện tích đất của Cơ sở; kích thước hố thu: $7 \text{ m} \times 30 \text{ m} \times 4 \text{ m}$).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với các hệ thống xử lý nước thải và thoát nước.

- Thường xuyên giám sát để kịp thời phát hiện và xử lý sự cố nhằm hạn chế tới mức tối đa nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu xả ra môi trường.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, bảo đảm hệ thống máy móc, thiết bị hoạt động tốt.

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét hệ thống thoát nước, tránh tình trạng tắc nghẽn gây ngập úng khi có mưa lớn.

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn tại bể tự hoại và thu gom nước thải sinh hoạt tại bể chứa nước thải theo đúng quy định.

- Định kỳ nạo vét cống thoát nước, hố lắng theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra, phòng ngừa vấn đề sụt lún, xói lở trên khu vực khai trường, hố lắng và hố thu. Phải có thỏa thuận với các cá nhân, đơn vị có liên quan về việc tận dụng hố thu nằm ngoài diện tích đất của cơ sở để phục vụ cho việc thoát nước tháo khô mả ra nguồn tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm phải quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.4.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường theo quy định.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của mả.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý, thoát nước thải và các biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải.

3.4. Việc chuyển giao nước thải cho đơn vị khác xử lý phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với hoạt động chuyển giao nước thải theo quy định tại điểm a khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.5. Công ty TNHH Bình Hòa chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Hoạt động của 03 tổ hợp đập nghiền sàng tại khu vực chế biến.

- Nguồn số 01: Tổ hợp nghiền sàng (Công suất 45 tấn/giờ) số 01.
- Nguồn số 02: Tổ hợp nghiền sàng (Công suất 45 tấn/giờ) số 02.
- Nguồn số 03: Tổ hợp nghiền sàng (Công suất 75 tấn/giờ).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: X= 484438; Y= 1418313.
- Nguồn số 02: X = 484438; Y = 1418310.
- Nguồn số 03: X = 484451; Y = 1418286.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị, đảm bảo các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục III**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:**

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	2
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	72
4	Bùn thải có chứa dầu từ hoạt động bảo dưỡng cơ sở, máy móc, trang thiết bị	01 04 05	5
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	18
6	Thùng phuy đựng dầu nhớt	01 05 04	9
7	Bao bì nhựa cứng thải (có chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại)	18 01 03	8
Tổng cộng			124

1.2. Khối lượng, chứng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn từ quá trình nạo vét mương thoát nước, hồ lắng, hồ thu	25.000
2	Tấm thép kim loại, vỏ xe	60
Tổng cộng		25.060

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 3,6 kg/ngày (1.314 kg/năm). Thành phần gồm có: Chất thải không có khả năng tái chế (vỏ trái cây, thực phẩm, thức ăn

thừa ... phát sinh khoảng 2,6 kg/ngày); Chất thải có khả năng tái chế (Giấy các loại; vỏ chai nhựa; vỏ chai bằng thủy tinh ... phát sinh khoảng 1,0 kg/ngày).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy (loại 200 lít); có dán nhãn theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

- 01 nhà kho lưu chứa CTNH có diện tích 16 m².
- Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao quanh và mái che; nền bê tông, có cửa khóa; lắp biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thu gom chất thải công nghiệp thông thường (Như: tấm thép kim loại, vỏ xe) và lưu chứa tạm thời trong khu vực nhà xưởng của mỏ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa chất thải sinh hoạt:

Bố trí các thùng chứa tại khu vực văn phòng và nhà ở công nhân.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không có

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại. Chất thải không có khả năng tái chế được lưu chứa trong 02 thùng chứa (loại 05-10 lít), sau đó bón vào gốc cây xanh trong khu vực cơ sở; chất thải có khả năng tái chế được thu gom vào 01 thùng chứa (loại 120 lít) và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bình Hòa có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa,

ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục IV**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk “Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc”, nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường cụ thể như sau:

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:**1.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:**

Tạo thành hồ chứa nước, có củng cố bờ moong, đắp đê bao quanh khai trường; lập hàng rào, biển báo ở xung quanh khu vực khai thác; lắp đặt cống thoát nước; trồng cây xanh trên mặt, hai bên chân đê và tại khu vực bãi thải, sân công nghiệp và thực hiện các biện pháp khác như đã nêu trong Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đảm bảo đưa môi trường hệ sinh thái tại khu vực khai thác môi trường ban đầu, đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn và môi trường, đảm bảo an toàn về phục vụ các mục đích có lợi cho con người.

- Khu vực moong khai thác: Củng cố đê bao quanh moong khi kết thúc khai thác; củng cố bờ moong trong các tầng đất phủ, đá bán phong hóa và đá gốc; lập hàng rào và biển báo nguy hiểm ghi rõ độ sâu của moong; trồng cây xung quanh moong tại những vị trí thích hợp; cải tạo hệ thống thoát nước cho hồ mỏ.

- Khu vực chế biến, khu vực văn phòng và hồ lắng nước: Tháo dỡ các tổ hợp nghiền sàng, trạm biến áp, trạm cân và các công trình phụ trợ, công trình không còn nhu cầu sử dụng; san gạt tạo mặt bằng khu chế biến và khu vực văn phòng; trồng cây trên diện tích đã san gạt; vận chuyển thiết bị và vật liệu tháo dỡ ra khỏi mỏ và xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Các hạng mục khác: Tu sửa đường giao thông ra vào mỏ.

1.2. Khối lượng công việc chi tiết:

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
I	Giai đoạn I		
1	Trồng cây xanh	Cây	3.310
II	Giai đoạn II		
2	Cải tạo moong khai thác		
2.1	Củng cố bờ moong		
	Vát bờ moong	100 m ³	60,7
	Bẫy đá treo	m ³	39,3
	Củng cố đất phủ	m ³	81,6

2.2	Tạo hệ thống thoát nước cho hồ mở	m	3
	Đào hào đặt cống	100 m ³	0,18
	Lắp đặt cống	100 m	0,03
	Đắp đất móng đường cống	m ³	6,44
	Bê tông móng tại mép hồ đặt cống	m ³	9,6
2.3	Lập hàng rào, biển báo		
	Cọc bê tông	Cái	346
	Lưới thép gai	m	2.076
	Lập biển báo	Cái	14
3	Xây dựng đường ra vào khu mở	m ²	9.000
4	Tu sửa đê bao	m	800
5	Cải tạo mặt bằng khu vực chế biến		
	Tháo dỡ hệ thống đập nghiền sàng	Tấn	43,8
	Phá bỏ, san gạt cầu cạn lên xuống mặt bằng khi cấp liệu	m ³	2560
	Tháo dỡ những công trình dân dụng		
	+ Cửa	m ²	34
	+ Tháo dỡ mái tole	m ²	200
	+ Phá dỡ tường	m ³	10
	+ Phá dỡ nền	m ²	100
	+ Phá dỡ bể tự hoại	cái	1
	+ Tháo dỡ chậu rửa	cái	1
	+ Tháo dỡ trạm biến áp	HT	1
	+ Tháo dỡ trạm cân	HT	1
	San gạt mặt bằng	100 m ³	16,5
	Trồng cây xanh	cây	1.584
	Vận chuyển thiết bị sau tháo dỡ	ca	4
6	Tu sửa đường giao thông ra vào mở	m	500

1.3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là 1.406.200.000 đồng (Viết bằng chữ: Một tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu hai trăm ngàn đồng) chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Tổng số tiền đã thực hiện ký quỹ trước đây: 777.110.526 đồng (Viết bằng chữ: Bảy trăm bảy mươi bảy triệu một trăm mười ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng).

- Tổng số tiền phải tiếp tục ký quỹ: 629.089.473 đồng (Viết bằng chữ: Sáu trăm hai mươi chín triệu không tám tám mươi chín ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

- Số lần ký quỹ: 03 lần

- Số tiền mỗi lần ký quỹ (chưa tính đến yếu tố trượt giá) là: 209.696.491 đồng (Viết bằng chữ: Hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn bốn trăm chín mươi một đồng).

+ Số tiền ký quỹ có tính tới yếu tố trượt giá được Chủ dự án tự kê khai, nộp tiền ký quỹ và thông báo cho đơn vị nhận ký quỹ.

- Thời điểm nhận ký quỹ: Phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và các quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện. Sau mỗi lần ký quỹ, Chủ dự án phải báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, giám sát.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ Đầu tư và Phát triển Đắk Lắk hoặc các đơn vị khác có chức năng theo quy định pháp luật.

- Chủ cơ sở phải rà soát số tiền đã ký quỹ, số lần đã thực hiện ký quỹ để tiếp tục thực hiện ký quỹ đối với số tiền còn lại theo quy định sau khi được cấp Giấy phép môi trường này (Để đảm bảo số tiền ký quỹ đã được tính đến yếu tố trượt giá theo quy định pháp luật).

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của UBND tỉnh Đắk Lắk “Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác và chế biến đá xây dựng mỏ đá buôn Ea Kung, xã Krông Búk, huyện Krông Pắc”, các nội dung tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường như sau:

- Thực hiện khai thác với phạm vi và quy mô đã được cấp phép theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 40/GP-UBND ngày 03/7/2015; Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 và Quyết định số 2703/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh.

- Thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tổ chức khai thác theo đúng quy mô, phạm vi, tọa độ, trữ lượng đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

2. Chịu trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai xây dựng các hạng mục công trình theo đúng quy hoạch đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm phù hợp với chủ trương đầu tư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch về đất đai và các quy hoạch khác có liên quan được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng

quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu chứa chất thải phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Nước thải phải được quản lý, tái sử dụng để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

5. Trang bị các giàn phun sương, tưới nước tại các tổ hợp dây chuyền chế biến nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình hoạt động. Thực hiện công tác tưới nước, rửa đường để hạn chế phát sinh bụi khi phương tiện vận chuyển lưu thông trên đường.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu đề xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.